

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Số: 550/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố H, ngày 09 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 501/2020/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 57 đường Lê Văn H, phường Thuận L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Chị Lê Thị Thủy T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 12 đường Trần Thanh M, phường An Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc P và chị Lê Thị Thủy T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Quốc P và chị Lê Thị Thủy T có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Bảo Q, sinh ngày 28/4/2015 và Nguyễn Quốc An K, sinh ngày 30/01/2019.

Anh Nguyễn Quốc P và chị Lê Thị Thủy T thoả thuận như sau: Giao 02 con chung của vợ chồng cho chị Lê Thị Thủy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Quốc P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc P và chị Lê Thị Thủy T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh P và chị T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Quốc P và chị Lê Thị Thủy T, mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, anh P và chị T thỏa thuận anh P chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000607 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả cho anh Nguyễn Quốc P số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường Thuận L, thành phố H;
- (Anh P và chị T ĐKKH số 47/2011, quyền số 01/2011 ngày 16/4/2011)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi